Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LỢI BÁC
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
Thời gian ký: 27/10/2026 16:52:06

DANH SÁCH CÁC THỬA ĐẤT THU HỒI

(Kèm theo Thông báo số 320b /TB-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2026 của UBND xã Lợi Bác)

Số TT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Theo bản đồ địa chính					Theo mảnh trích đo					
			Tờ bản đồ xã Sàn Viên	Tờ bản đồ số xã Lợi Bác	Số thửa	Diện tích thu hồi (m²)	Loại đất	Mảnh trích đo	Tờ bản đồ mới	Tờ bản đồ cũ	Số thửa	Diện tích thu hồi (m²)	Loại đất
	Ông Nông Văn Hợp	Khu 5B, xã Na Dương				**10.672,0**						**10.672,0**	
1			59	363	216	422,7	LNK	19-2014	363	59	216	478,0	ONT
2			59		221	49,3	ONT						
3			59		243	6,0	LNQ						
4			59	363	243	957,0	LNQ	19-2014	363	59	243	957,0	LNQ
5			59	363	245	1.426,0	LNQ	19-2014	363	59	245	1.426,0	LNQ
6			59	363	245	86,0	LNQ	19-2014	363	59	297	505,0	BHK
7					243	419,0	LNQ						
8			59	363	245	101,0	LNQ	19-2014	363	59	298	363,0	BHK
9					243	262,0	LNQ						
10			59	363	265	463,0	SON	04-2022	363	59	307	463,0	BHK
11			59	363	265	964,0	SON	04-2022	363	59	306	964,0	CLN
12			59	363	185	59,5	LNQ	04-2022	363	59	301	59,5	CLN
13			59	363	185	63,0	LNQ	04-2022	363	59	300	63,0	CLN
14			58	362	111	261,0	LUC	18-2014	362	58	111	261,0	LUC
15			58	362	124	253,0	LUC	18-2014	362	58	124	253,0	LUC
16			58	362	177	385,5	BCS	04-2022	362	58	177	385,5	CLN
17			58	362	179	399,0	SON	04-2022	362	58	180	399,0	SON
18			58	362	166	277,0	LUC	18-2014	362	58	166	277,0	LUC
19			59	362	219	208,0	LUC	19-2014	363	59	219	208,0	LUC
20			59	363	182	216,0	LUC	19-2014	363	59	182	216,0	LUC
21			59	363	184	205,0	LNK	19-2014	363	59	184	205,0	LNK
22			59	363	218	93,0	BCS	04-2022	363	59	218	93,0	CLN
23			59	363	220	947,0	LUC	19-2014	363	59	220	947,0	LUC

24			59	363	216	110,0	LNK	04-2022	363	59	304	110,0	CLN
25			59	363	243	35,0	LNK	19-2014	363	59	221	210,0	ONT
26			59		221	175,0	ONT						
27			59	363	245	106,0	LNK	04-2022	363	59	305	106,0	CLN
28			59	363	244	192,0	TSN	19-2014	363	59	244	192,0	TSN
29			59	363	217	32,0	NTD	04-2022	363	59	303	32,0	CLN
30			58	362	152	82,0	LUC	18-2014	362	58	152	82,0	LUC
31			45	349	260	1.417,0	LUC	16-2014	349	45	260	1.417,0	LUC